TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 671/2017/ HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2017
V/v: " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thông

Bà Lý Kim Anh

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Kim Thương – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12/9/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 452/2017/TLST-HNGĐ ngày 27/6/2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 408/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 272/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thúy L, sinh năm X.; Địa chỉ: H, Phường M, Quận S, TP. Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: Z, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm Y. Địa chỉ: H, Phường M, Quận S, TP. Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/6/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Huỳnh Thúy L trình bày:

Bà Huỳnh Thúy L và ông Lê Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80 quyển số 01/2007 của UBND Phường M Quận S, TP.Hồ Chí Minh.

Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, về sau phát sinh mâu thuẫn do ông T không lo làm ăn, không phụ giúp bà trong kinh tế gia đình. Năm 2012 bà L đã nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án và được Tòa án hòa giải vợ chồng đoàn tụ, ông T có sửa đổi không được bao lâu rồi vẫn lại tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, ăn chơi, không có công việc ổn định vì vậy năm 2015 bà đưa hai con ra ở riêng. Một lần nữa bà nộp đơn xin ly hôn ông T. Sau nhiều lần Tòa án mời, ông T không đến, vì thời gian bà phải đi làm lo cho hai con và cũng muốn cho ông T thêm cơ hội nên bà xin rút đơn.

Tuy nhiên từ năm 2015 cho đến nay ông T vẫn không thay đổi, ông không còn quan tâm đến vợ con, không liên lạc, thăm hỏi bà và cả hai con. Nay tình cảm không còn bà xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Lê Huỳnh Thúy V, sinh ngày 30/11/2007 và Lê Huỳnh Thanh H, sinh ngày 13/3/2014. Bà L xin được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Lê Văn T vắng mặt tại phiên toà không có bản tự khai.

- Tại Bản tự khai trình bày nguyện vọng ngày 10/8/2017 trẻ Lê Huỳnh Thúy V trình bày: Trường hợp ba, mẹ không ở với nhau nữa thì con muốn ở với mẹ vì mẹ nuôi con.

- Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:

- Giấy chứng nhận kết hôn số 08 quyển số 01/2007 của UBND Phường M, Quận S, TP. Hồ Chí Minh (bản chính).

- Sổ hộ khẩu, CMND của nguyên đơn, (bản sao).

- Giấy khai sinh của các con (bản sao).

- Quyết định số 644/2012/QĐST-HNGĐ-HGĐT ngày 22/11/2012 của Tòa án nhân dân Quận 6.

- Quyết định Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 409/2016/QĐĐC-HNGĐ-ST ngày 28/6/2016 của Tòa án nhân dân Quận 6.

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Quá trình từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 80 quyển số 01/2007 của UBND Phường M, Quận S, TP Hồ Chí Minh thì bà bà Huỳnh Thúy L và ông Lê Văn T có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông T đăng ký hộ khẩu thường trú và đang thực tế cư trú tại Quận S, thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà Huỳnh Thúy L có đơn xin ly hôn ông Lê Văn T nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 điều 51 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn là bà Huỳnh Thúy L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; về phía bị đơn, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, ông Lê Văn T vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Huỳnh Thúy L và ông Lê Văn T.

[2] Về hôn nhân:

Theo lời khai của bà Huỳnh Thúy L trong quá trình tòa án giải quyết cùng các tài liệu do bà L xuất trình thì do ông T không lo làm ăn, không phụ giúp bà trong việc chăm lo kinh tế gia đình; trong quá trình vợ chồng sống chung bà L đã 2 lần làm đơn xin ly hôn với ông T và được Tòa án hòa giải đoàn tụ năm 2012 (Quyết định số 644/2012/QĐST-HNGĐ- HGĐT ngày 22/11/2012 của TAND Quận 6); năm 2016, bà L tiếp tục làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn yêu cầu để ông T sửa đổi (Quyết định số 409/2016/QĐĐC-HNGĐ-ST ngày 28/6/2016 của TAND Quận 6). Từ năm 2015, bà L đã cùng 2 con ra ở riêng nhưng ông T cũng không quan tâm, hỏi han đến vợ con.

Về phía ông Lê Văn T, Tòa án đã gởi thông báo thụ lý cho ông T về việc bà L có đơn yêu cầu ly hôn và đã triệu tập ông T đến Tòa để hòa giải tuy nhiên đến nay ông T không đến Toà án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Chứng tỏ phía ông T cũng không còn tha thiết đến tình cảm vợ chồng, không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, vợ chồng đã không còn sống chung trong một thời gian dài điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...", khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "…Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Nay bà L xin được ly hôn nên chấp nhận yêu cầu của bà là thỏa đáng.

[3] Về nuôi con chung: Xét yêu cầu của bà Huỳnh Thúy L xin được trực tiếp nuôi cả hai con chung, HĐXX thấy rằng: Theo bà L trình bày thì từ năm 2015, bà L và hai con đã ra ở riêng và cho đến nay bà vẫn đang trực tiếp nuôi hai con và đủ

điều kiện về mọi mặt để lo cho con. Ngoài ra theo nguyện vọng của trẻ Lê Huỳnh Thúy V thì cháu hiện đang sống với mẹ và mong muốn được tiếp tục sống với mẹ. Như vậy hiện nay bà L đang nuôi dưỡng 2 con chung ổn định nên chấp nhận yêu cầu của bà L, giao cả hai trẻ cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4] Về tài sản chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Bà Huỳnh Thúy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 51, 54, 56, 57, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009) và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Thúy L và ông Lê Văn T – Giấy chứng nhận kết hôn số 80 quyển số 01/2007 của UBND Phường M, Quận S, TP Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao 02 con chung là trẻ Lê Huỳnh Thúy V, sinh ngày 30/11/2007 và Lê Huỳnh Thanh H, sinh ngày 13/3/2014 cho bà Huỳnh Thúy L trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Huỳnh Thúy L không yêu cầu tòa án giải quyết.

2.3. Ông Lê Văn T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền

của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

3. Về chia tài sản: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

4. Về nợ chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

5. Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Huỳnh Thúy L nộp được trừ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu số 0027832 ngày 27/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S, TP. Hồ Chí Minh.

Bà Huỳnh Thúy L và ông Lê Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- UBND P.M,Q.S,TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Minh Châu